

MỤC TIÊU

- Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm, đúng với cấu trúc đề thi tốt nghiệp năm 2020
- Phần kiến thức: các câu hỏi nằm trong chương trình Địa lí 12, thuộc chuyên đề Địa lí tự nhiên Việt Nam và Địa lí dân cư Việt Nam, Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Phần kĩ năng: bao gồm các kĩ năng làm việc với Atlat, biểu đồ và bảng số liệu.
- Mức độ câu hỏi từ nhận biết đến thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao; đề thi có nhiều câu hỏi hay, phù hợp cho nhiều đối tượng HS luyện tập, củng cố kiến thức.

Câu 1: Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam chủ yếu do ở đây có

- A. sương muối. B. mưa phùn. C. gió lạnh. D. tuyết rơi.

Câu 2: Biện pháp nào sau đây không đúng trong việc làm giảm thiệt hại do lũ quét gây ra?

- A. Cần quy hoạch các điểm dân cư, tránh các vùng lũ quét nguy hiểm.
B. Sử dụng đất đai hợp lí, kết hợp trồng rừng, đảm bảo thủy lợi.
C. Phát quang các vùng có nguy cơ lũ quét, mở rộng dòng chảy.
D. Áp dụng các biện pháp nông - lâm trên đất dốc

Câu 3: Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ nước ta?

- A. Tín phong bán cầu Bắc B. Gió mùa Đông Bắc
C. Gió phơn Tây Nam. D. Gió mùa Tây Nam.

Câu 4: Dạng thời tiết nắng nóng, kèm theo mưa dông xuất hiện vào cuối mùa khô ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là do ảnh hưởng của

- A. áp thấp nóng phía tây lấn sang. B. tín Phong bán cầu Nam.
C. gió mùa mùa hạ đến sớm. D. tín Phong bán cầu Bắc

Câu 5 : Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết 4 tỉnh có sản lượng thủy sản đánh bắt lớn nhất nước ta?

- A. Kiên Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, An Giang, Đồng Tháp.
B. Kiên Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Bình Định.
C. Kiên Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Bình Định.
D. Kiên Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Cà Mau.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây đúng với đô thị hóa ở nước ta hiện nay?

- A. Tỷ lệ dân thành thị không thay đổi. B. Số đô thị giống nhau ở các vùng.
C. Số dân ở đô thị nhỏ hơn nông thôn. D. Trình độ đô thị hóa còn rất thấp.

Câu 7: Ý nào sau đây không phải là định hướng chính để đẩy mạnh công cuộc đổi mới và hội nhập?

- A. Thực hiện chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo.

- B.** Phát triển kinh tế một cách nhanh chóng dựa trên những tài nguyên sẵn có.
- C.** Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế để tăng tiềm lực kinh tế quốc gia
- D.** Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển nền kinh tế tri thức

Câu 8: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết nhận định nào sau đây không đúng về mạng lưới giao thông nước ta?

- A.** Mạng lưới đường sắt phân bố chủ yếu ở miền Bắc
- B.** Mạng lưới đường sông phân bố đều cả nước
- C.** Hầu hết các tỉnh ven biển đều có cảng biển.
- D.** Mạng lưới đường ô tô phủ kín các vùng.

Câu 9: Tính chất địa đới của tự nhiên Việt Nam được biểu hiện ở

- A.** địa hình nhiều đồi núi, gió đông nam và đất xám trên phù sa cổ.
- B.** có các đồng bằng hạ lưu sông, gió phơn và đất phèn, mặn.
- C.** nhiệt độ giảm theo độ cao, gió mùa tây nam và đất phù sa
- D.** nhiệt độ trung bình năm >200C, gió tín phong và đất feralit.

Câu 10: Cho bảng số liệu:

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT Ở NƯỚC TA, NĂM 2000 VÀ 2017

Năm	Tổng diện tích	Đất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Đất chuyên dùng và đất ở	Đất chưa sử dụng và đất khác
2000	32924,1	9345,4	11575,4	1976,0	10027,3
2017	33123,6	11508,0	14910,5	2586,2	4115,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, năm 2018)

Nhận xét nào sau đây không đúng về hiện trạng sử dụng đất ở nước ta qua các năm?

- A.** Đất lâm nghiệp luôn có diện tích lớn nhất.
- B.** Đất chuyên dùng và đất ở tăng nhanh nhất.
- C.** Đất chưa sử dụng và đất khác đang giảm đi.
- D.** Đất nông nghiệp tăng nhiều hơn lâm nghiệp.

Câu 11: Tuy gia tăng dân số tự nhiên giảm nhưng số dân nước ta vẫn còn tăng nhanh là do nguyên nhân nào sau đây?

- A.** Gia tăng cơ học cao.
- B.** Quy mô dân số lớn.
- C.** Xu hướng già hóa dân số.
- D.** Tuổi thọ ngày càng cao.

Câu 12: Vùng nào sau đây ở nước ta ít chịu ảnh hưởng của bão hơn cả?

- A.** Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B.** Đồng bằng sông Hồng,
- C.** Đồng bằng sông Cửu Long.
- D.** Bắc Trung Bộ.

Câu 13: Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2017

(Đơn vị: Triệu tấn.km)

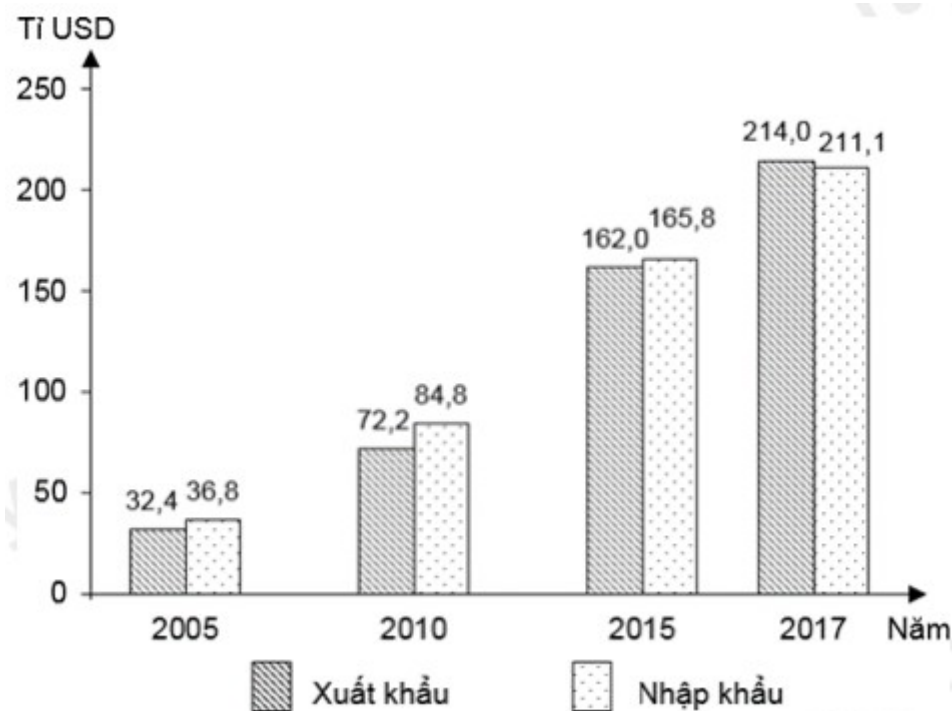
Năm	2010	2014	2016	2017
-----	------	------	------	------

Kinh tế nhà nước	157359,1	150189,1	152207,2	155746,9
Kinh tế ngoài Nhà nước	57667,7	70484,2	86581,3	98756,3
Khu vực có vốn đầu trực tiếp nước ngoài	2740,3	2477,8	2588,4	2674,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A.** Miền. **B.** Tròn. **C.** Đường. **D.** Kết hợp.
- Câu 14:** Cho biểu đồ:



TÌNH HÌNH XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2005 - 2017

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về xuất, nhập khẩu của nước ta giai đoạn 2005 - 2017?

- A.** Việt Nam luôn là nước xuất siêu. **B.** Nhập khẩu tăng nhiều hơn xuất khẩu.
C. Xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu. **D.** Việt Nam luôn là nước nhập siêu.
- Câu 15:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15 và trang 29, hãy cho biết nơi nào sau đây có mật độ dân số cao nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long?

- A.** Vùng giáp với Đông Nam Bộ. **B.** Ven Biển Đông.
C. Vùng ven sông Tiền và Hậu. **D.** Ven vịnh Thái Lan.

Câu 16: Đặc điểm của đô thị nước ta hiện nay là

- A.** cơ sở hạ tầng hiện đại. **B.** đều có quy mô rất lớn.

C. phân bố đồng đều cả nước

D. có nhiều loại khác nhau.

Câu 17: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho thu nhập bình quân của lao động nước ta thuộc loại thấp so với thế giới?

A. Lao động thiếu tác phong công nghiệp.

B. Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn lớn.

C. Hệ thống cơ sở hạ tầng lạc hậu.

D. Năng suất lao động chưa cao.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 16 và 17, hãy cho biết nhóm ngôn ngữ nào là chủ yếu của vùng Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ?

A. Tày - Thái.

B. Ngôn ngữ dân xen.

C. Môn - Khơ Me.

D. Việt - Mường.

Câu 19: Gió mùa Đông Bắc không xóa đi tính nhiệt đới của khí hậu và cảnh quan nước ta chủ yếu do

A. gió mùa Đông Bắc chỉ hoạt động từng đợt ở miền Bắc

B. nước ta chịu ảnh hưởng của gió mùa hạ nóng ẩm.

C. nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc đều lớn hơn 20°C.

D. lãnh thổ nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

Câu 20: Nguyên nhân chính làm cho sinh vật biển nước ta ngày càng bị suy giảm là do

A. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.

B. khai thác quá mức nguồn lợi.

C. gia tăng các thiên tai.

D. tăng cường xuất khẩu hải sản.

Câu 21: Mưa lớn, địa hình dốc, lớp phủ thực vật bị mất là nguyên nhân dẫn đến thiên tai nào sau đây?

A. Lũ quét.

B. Bão.

C. Động đất.

D. Hạn hán.

Câu 22: Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có biên độ nhiệt độ trung bình năm cao hơn phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do

A. vị trí ở xa xích đạo và tác động của Tín phong bán cầu Bắc

B. vị trí gần chí tuyến Bắc và tác động của gió mùa Đông Bắc

C. nằm ở gần vùng ngoại chí tuyến, tiếp giáp với Biển Đông.

D. nằm ở vùng nội chí tuyến, trong khu vực châu Á gió mùa

Câu 23 (ID: 463922): Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN
2010 – 2015

Năm	Tổng sản lượng (nghìn tấn)	Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)	Giá trị xuất khẩu (triệu đô la Mỹ)
2010	5143	2728	5018
2013	6020	3216	6693
2014	6333	3413	7825
2015	6582	3532	6569

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Để thể hiện sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta, giai đoạn 2010 - 2015 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột chồng - đường.

B. Miền.

C. Cột - đường.

D. Cột ghép - đường.

Câu 24: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 16, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về phân bố các dân tộc Việt Nam?

- A. Dân tộc Bana, Xơ-đăng, Chăm chủ yếu ở Đông Nam Bộ.
- B. Dân tộc Tày, Thái, Nùng, Giáy, Lào tập trung ở Trung Bộ.
- C. Dân tộc kinh tập trung đông đúc ở trung du và ở ven biển.
- D. Các dân tộc ít người phân bố tập trung chủ yếu ở miền núi.

Câu 25: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy xác định tỉnh có diện tích cây công nghiệp lâu năm lớn nhất ở vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Thanh Hoá.
- B. Nghệ An.
- C. Quảng Bình.
- D. Quảng Trị.

Câu 26: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?

- A. Sông Mê Công(Việt Nam).
- B. Sông Đồng Nai.
- C. Sông Hồng.
- D. Các sông khác

Câu 27: Biện pháp quan trọng nhất để giải quyết việc làm ở khu vực nông thôn nước ta là

- A. phân bố lại dân cư và nguồn lao động trên cả nước
- B. đa dạng hóa các hoạt động sản xuất và dịch vụ.
- C. thực hiện tốt chính sách dân số, sức khỏe sinh sản.
- D. đa dạng các loại hình đào tạo và các ngành nghề.

Câu 28: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết cao nguyên nào không thuộc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

- A. Đắc Lắc
- B. PleiKu.
- C. Sín Chải.
- D. Kon Tum.

Câu 29: Những nhân tố chủ yếu nào tạo nên sự phân hóa đa dạng của khí hậu nước ta?

- A. Địa hình, gió mùa và dòng biển chạy ven bờ.
- B. Vị trí địa lí, địa hình và dòng biển chạy ven bờ.
- C. Vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ, địa hình bề mặt đệm.
- D. Vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ, địa hình và gió mùa

Câu 30: Phát biểu nào sau đây không đúng về việc làm ở nước ta hiện nay?

- A. Tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn thấp hơn thành thị.
- B. Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm còn gay gắt.
- C. Là một vấn đề kinh tế - xã hội lớn hiện nay.
- D. Tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị cao hơn nông thôn.

Câu 31: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây có diện tích lớn nhất ở khu vực đồi núi nước ta?

- A. Đất feralit trên các loại đá khác
- B. Các loại đất khác và núi đá.
- C. Đất feralit trên đá badan.
- D. Đất feralit trên đá vôi.

Câu 32: Phát biểu nào sau đây không đúng về đặc điểm dân số nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều dân tộc ít người.
- B. Gia tăng tự nhiên rất cao.
- C. Dân tộc Kinh là đông nhất.
- D. Có quy mô dân số lớn.

Câu 33: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị loại 1 nào sau đây của nước ta do Trung ương quản lí?

- A. Hải Phòng, Đà Nẵng.
- B. Đà Nẵng, Huế.
- C. Biên Hòa, Cần Thơ.
- D. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

Câu 34: Đô thị nước ta là nơi tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa chủ yếu do

- A. dân cư tập trung đông, chất lượng sống cao. B. cơ sở hạ tầng khá tốt, giao thương thuận lợi.
C. mật độ dân số cao, thu hút nhiều vốn đầu tư. D. dịch vụ đa dạng, việc kinh doanh phát triển.

Câu 35: Đặc điểm nào sau đây không đúng với địa hình Việt Nam?

- A. Hầu hết là địa hình núi cao. B. Địa hình vùng nhiệt đới ẩm gió mùa
C. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích. D. Có sự phân bậc rõ rệt theo độ cao.

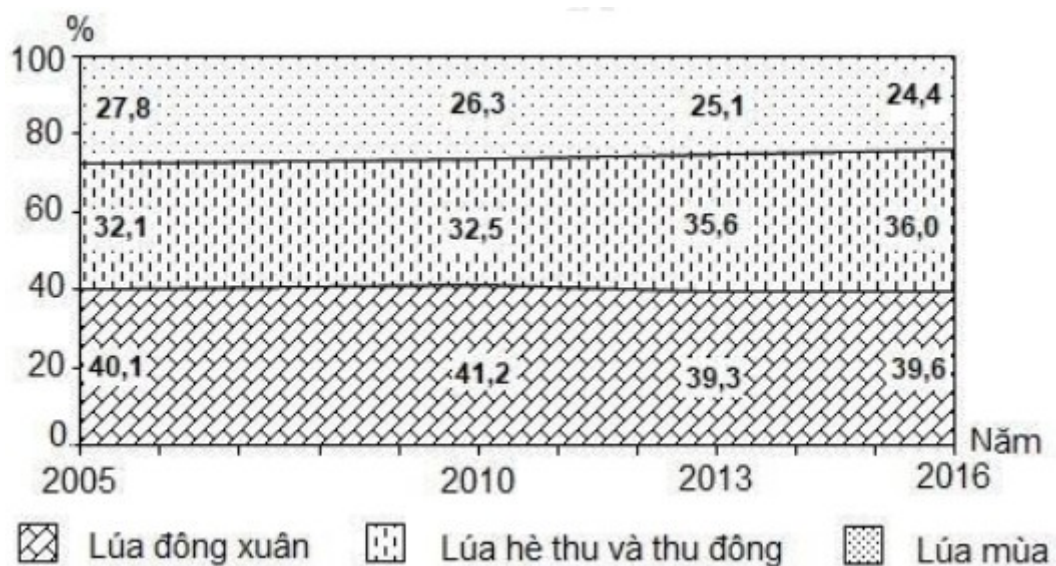
Câu 36: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 9, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về chế độ nhiệt, mưa của Đà Lạt và Nha Trang?

- A. Trong năm, Đà Lạt và Nha Trang có hai cực đại về nhiệt.
B. Tổng lượng mưa trung bình năm của Đà Lạt lớn hơn Nha Trang.
C. Nhiệt độ trung bình năm của Đà Lạt cao hơn ở Nha Trang.
D. Mưa lớn nhất ở Đà Lạt và Nha Trang vào tháng X.

Câu 37: Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta còn chậm chủ yếu do

- A. thiếu nguồn lao động chất lượng cao. B. các nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng.
C. khai thác chưa hiệu quả các nguồn lực D. mức sống dân cư thấp, thị trường nhỏ.

Câu 38: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 - 2016 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng cơ cấu diện tích lúa phân theo mùa vụ của nước ta, giai đoạn 2005 - 2016?

- A. Lúa đông xuân tăng, lúa hè thu và thu đông giảm.
B. Lúa đông xuân tăng, lúa mùa giảm.
C. Lúa đông xuân giảm, lúa mùa tăng.
D. Lúa hè thu và thu đông tăng, lúa đông xuân giảm.

Câu 39: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7 và 9, hãy cho biết những nơi nào sau đây có lượng mưa trung bình năm trên 2800 mm?

- A. Móng Cái, Hoàng Liên Sơn. B. Ngọc Linh, cao nguyên Di Linh.
C. Ngọc Linh, Bắc Bạch Mã. D. Bắc Bạch Mã, Hoàng Liên Sơn.

Câu 40: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Indônêxia	Malaixia	Philippin	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	330,8	300,0	513,1
Dân số (triệu người)	264,0	31,6	105,0	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của một số quốc gia năm 2017?

- A. Malaixia cao hơn Thái Lan.

C. Philippin thấp hơn Malaixia
- B. Indônêxia thấp hơn Philippin.

D. Indônêxia thấp hơn Thái Lan.

----- HẾT -----

BẢNG ĐÁP ÁN

1. B	2. C	3. A	4. C	5. D	6. C	7. B	8. B	9. D	10. D
11. B	12. C	13. A	14. C	15. C	16. D	17. D	18. D	19. A	20. B
21. A	22.B	23. A	24. D	25. D	26. C	27. B	28. C	29. D	30. A
31. A	32. B	33. A	34. A	35. A	36. B	37. C	38. D	39. C	40. B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 10 – Thiên nhiên phân hóa đa dạng (trang 48 sgk Địa 12)

Cách giải:

Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam chủ yếu do vào nửa cuối mùa đông gió mùa đông bắc đi qua biển được tăng cường ẩm, đem lại mưa phùn và thời tiết lạnh ẩm cho miền Bắc.

Chọn B.

Câu 2 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 15 – Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai

Cách giải:

Để giảm ảnh hưởng của lũ quét cần tích cực trồng cây gây rừng, tăng độ che phủ rừng trên vùng đồi núi => do vậy biện pháp phát quang các vùng có nguy cơ lũ quét là hoàn toàn không đúng.

Chọn C.

Câu 3 (TH)

Phương pháp: Liên hệ kiến thức bài 9 – Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa (trang 41 sgk Địa 12)

Cách giải:

Tín phong Bắc bán cầu thổi theo hướng đông bắc => gió này bị chặn lại bởi dãy Trường Sơn Nam, do vậy gây nên mùa khô cho vùng Nam Bộ và Tây Nguyên (vị trí khuất gió ở sườn Tây)

Chọn A.

Câu 4 (VDC)

Phương pháp: Liên hệ kiến thức bài 9 – Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

Cách giải:

- A sai: vì đây là thời kì cuối mùa đông ở Bắc bán cầu -> nhiệt độ đang thấp nên chưa thể hình thành áp thấp nóng trên lục địa phía tây được
- B sai: vì tín phong Nam bán cầu hoạt động vào mùa hạ
- D sai: vì tín phong Bắc bán cầu thổi hướng đông bắc, chỉ tác động đến vùng đón gió ở ven biển Trung Bộ, Nam Bộ và Tây Nguyên ở vị trí khuất gió.
- C đúng: gió mùa mùa hạ (gió hướng Tây Nam) đến sớm chính là nguyên nhân làm xuất hiện thời tiết nắng nóng kèm mưa dông lớn vào cuối mùa khô ở miền Nam Trung Bộ.

Chọn C.

Câu 5 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 20

Cách giải:

Sử dụng Atlas Địa lí trang 20, 4 tỉnh có sản lượng thủy sản đánh bắt lớn nhất nước ta là: Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận, Cà Mau.

Chọn D.

Câu 6 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 18 – Đô thị hóa

Cách giải:

- A sai: tỉ lệ dân thành thị nước ta đang tăng lên
- B sai: số lượng đô thị khác nhau ở các vùng
- D sai:: trình độ đô thị hóa thấp, không phải rất thấp
- C đúng: số dân ở đô thị nhỏ hơn nông thôn, khoảng cách này ngày càng thu hẹp.

Chọn C.

Câu 7 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 2 – Công cuộc Đổi mới và hội nhập

Cách giải:

Phát triển kinh tế một cách nhanh chóng không phải là định hướng chính để đẩy mạnh công cuộc đổi mới và hội nhập ở nước ta

Định hướng chính là đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa gắn liền với phát triển nền kinh tế tri thức, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo,

Chọn B.

Câu 8 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 23

Cách giải:

Nhận định không đúng về mạng lưới giao thông nước ta là: mạng lưới đường sông phân bố đều cả nước. Mạng lưới đường sông nước ta phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Chọn B.

Câu 9 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 12 – Thiên nhiên phân hóa đa dạng

Cách giải:

Tính chất địa đới là sự thay đổi của cảnh quan thiên nhiên theo vĩ độ.

Tính chất địa đới của tự nhiên Việt Nam được biểu hiện ở đặc điểm nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến => thuộc đới khí hậu nhiệt đới nên có nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, gió tín phong thổi quanh năm và quá trình hình thành đất chính là đất feralit.

Chọn D.

Câu 10 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng nhận xét bảng số liệu

Cách giải:

Hiện trạng sử dụng đất ở nước ta qua các năm:

- A đúng: Đất lâm nghiệp luôn có diện tích lớn nhất
- B đúng: đất chuyên dùng và đất ở tăng nhanh nhất (tăng gấp 1,3 lần)
- C đúng: đất chưa sử dụng và đất khác giảm từ 10027,3 nghìn ha xuống 4115,9 nghìn ha
- D không đúng: đất nông nghiệp tăng ít hơn đất lâm nghiệp (đất nông nghiệp tăng 1,23 lần; đất lâm nghiệp tăng 1,29 lần)

Chọn D.

Câu 11 (VD)

Phương pháp: Kiến thức bài 16 – Đặc điểm dân số và sự phân bố dân cư nước ta

Cách giải:

Tuy gia tăng dân số tự nhiên giảm nhưng số dân nước ta vẫn còn tăng nhanh là do: quy mô dân số nước ta lớn, cơ cấu dân số trẻ => dẫn đến số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ nhiều, hằng năm dân số nước ta vẫn tăng thêm khoảng 1 triệu người.

Chọn B.

Câu 12 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 15 – Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai

Cách giải:

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng ít chịu ảnh hưởng của bão nhất nước ta

Chọn C.

Câu 13 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng nhận diện biểu đồ

Cách giải:

- Biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu, từ 1 – 3 năm => loại B
- Biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng => loại C
- Biểu đồ kết hợp thể hiện đối tượng có 2 đơn vị khác nhau => loại D
- Biểu đồ miền thể hiện sự thay đổi cơ cấu, trong nhiều năm

=> Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010 – 2017, dạng biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ miền

Chọn A.

Câu 14 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng nhận xét biểu đồ

Cách giải:

- A sai: Giai đoạn 2005 – 2015 Việt Nam liên tục nhập siêu
- B sai: Xuất khẩu tăng nhiều hơn nhập khẩu (xuất khẩu tăng 181,6 tỉ USD, nhập khẩu tăng 174,3 tỉ USD) - D sai: Năm 2017 Việt Nam xuất siêu
- C đúng: Xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu (xuất khẩu tăng gấp 6,6 lần; nhập khẩu tăng 5,7 lần)

Chọn C.

Câu 15 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 15 và 29

Cách giải:

Nơi có mật độ dân số cao nhất ở đb sông Cửu Long là vùng ven sông Tiền và sông Hậu. Đây là vùng có điều kiện tự nhiên thuận lợi như địa hình đồng bằng phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào thuận lợi cho phát triển kinh tế nên thu hút dân cư tập trung.

Chọn C.

Câu 16 (NB)

Phương pháp: Kiến thức bài 18 – Đô thị hóa

Cách giải:

- A sai: đô thị nước ta có cơ sở hạ tầng còn chưa đồng bộ
- B sai: đô thị nước ta có nhiều quy mô từ nhỏ đến lớn, chỉ có 2 đô thị đặc biệt là Hà Nội, TP. HCM
- C sai: phân bố đô thị không đều trên cả nước
- D đúng: Đô thị hóa nước ta có đặc điểm là có nhiều loại khác nhau với quy mô khác nhau: đô thị đặc biệt, loại 1, 2, 3, 4, 5

Chọn D.

Câu 17 (VD)

Phương pháp: Liên hệ bài học Lao động và việc làm

Cách giải:

Nguyên nhân chủ yếu làm cho thu nhập bình quân của lao động nước ta thuộc loại thấp so với thế giới là do năng suất lao động chưa cao, chưa tạo ra được nhiều khối lượng hàng hóa lớn nên bình quân thu nhập thấp. **Chọn D.**

Câu 18 (VD)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam trang 16 – 17

Cách giải:

Nhóm ngôn ngữ chủ yếu của vùng đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ là Việt – Mường.

Chọn D.

Câu 19 (VDC)

Phương pháp: Liên hệ kiến thức bài 9 – Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

Cách giải:

Gió mùa Đông Bắc chỉ hoạt động từng đợt ở miền Bắc nước ta, tùy vào từng đợt khối không khí lạnh hoạt động mạnh hoặc nhẹ nên gió này ảnh hưởng không liên tục, lúc mạnh/yếu khác nhau. Do vậy gió mùa Đông Bắc không hoàn toàn xóa đi tính nhiệt đới của khí hậu và cảnh quan nước ta

Chọn A.

Câu 20 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 14 – Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Cách giải:

Nguyên nhân chính làm cho sinh vật biển nước ta ngày càng bị suy giảm là do hoạt động khai thác quá mức các nguồn lợi hải sản, đặc biệt là hải sản ven bờ.

Chọn B.

Câu 21 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 15 – Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai

Cách giải:

Mưa lớn, địa hình dốc, lớp phủ thực vật bị mất là nguyên nhân dẫn đến thiên tai lũ quét ở vùng miền núi nước ta, điển hình ở vùng núi phía Bắc và phía Tây của Bắc Trung Bộ.

Chọn A.

Câu 22 (VD)

Phương pháp: Kiến thức bài 11 – Thiên nhiên phân hóa đa dạng

Cách giải:

Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có biên độ nhiệt trung bình năm cao hơn phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do vị trí gần chí tuyến Bắc nên nhận được bức xạ Mặt Trời yếu hơn, chênh lệch về thời gian chiếu sáng lớn hơn + mặt khác do miền Bắc chịu tác động của gió mùa Đông Bắc làm cho nền nhiệt độ vào mùa đông bị hạ thấp, đây là nguyên nhân chính dẫn đến biên độ nhiệt năm ở miền Bắc cao.

Chọn B.

Câu 23 (VDC)

Phương pháp: Kỹ năng nhận diện biểu đồ

Cách giải:

- Bảng số liệu có 2 đơn vị thể hiện sản lượng (nghìn tấn) và giá trị xuất khẩu (triệu đô la Mỹ) => lựa chọn biểu đồ kết hợp (cột + đường) => loại B

- Tiếp tục xét đối tượng sản lượng gồm có Tổng sản lượng và sản lượng nuôi trồng => cột chồng thể hiện rõ nhất

=> Vậy lựa chọn biểu đồ thích hợp nhất là cột chồng – đường

Chọn A.

Câu 24 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam trang 16

Cách giải:

- A sai: dân tộc Bana, Xơ – đang, Chăm chủ yếu ở Tây Nguyên
- B sai: dân tộc Tày, Thái, Nùng, Giáy, Lào tập trung ở miền núi phía Bắc
- C sai: dân tộc Kinh tập trung đông đúc ở vùng đồng bằng và ven biển
- D đúng: các dân tộc ít người phân bố tập trung chủ yếu ở miền núi.

Chọn D.

Câu 25 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 19

Cách giải:

Tỉnh có diện tích cây công nghiệp lâu năm lớn nhất ở vùng Bắc Trung Bộ là Quảng Trị.

Chọn D.

Câu 26 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 10

Cách giải:

Hệ thống sông có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất là sông Hồng (21,91%)

Chọn C.

Câu 27 (VD)

Phương pháp: Sử dụng kiến thức bài 17 – Lao động và việc làm

Cách giải:

Khu vực nông thôn nước ta phổ biến tình trạng thiếu việc làm, do dân cư đông trong khi hoạt động kinh tế chưa phát triển.

=> Biện pháp quan trọng nhất để giải quyết việc làm ở khu vực nông thôn nước ta là đa dạng hóa các hoạt động sản xuất và dịch vụ để tạo nhiều việc làm cho lao động nông thôn.

Chọn B.

Câu 28 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 14

Cách giải:

Cao nguyên không thuộc Nam Trung Bộ và Nam Bộ là cao nguyên Sín Chải (thuộc vùng miền núi phía Bắc)

Chọn C.

Câu 29 (VDC)

Phương pháp: Kiến thức bài 11, 12: Thiên nhiên phân hóa đa dạng

Cách giải:

Những nhân tố chủ yếu tạo nên sự phân hóa đa dạng của khí hậu nước ta là: vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ, địa hình, gió mùa.

- Vị trí địa lí khiến nước chịu ảnh hưởng sâu sắc của các luồng gió hoạt động theo mùa, miền Bắc là nơi đầu tiên và trực tiếp đón gió mùa Đông Bắc đem lại mùa đông lạnh.

- Hình dạng lãnh thổ kéo dài nên góc nhập xạ tăng dần từ Bắc vào Nam, kết hợp với tác động của gió mùa đông bắc và bức chắn địa hình dãy Bạch Mã => thiên nhiên có sự phân hóa bắc – nam. - Bức chắn địa hình và hướng gió mùa tạo nên sự phân hóa thiên nhiên theo chiều đông – tây (Tây Bắc với Đông Bắc, Đông Trường Sơn và Tây Trường Sơn)

Chọn D.

Câu 30 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 17 – Lao động và việc làm

Cách giải:

- A không đúng: tỉ lệ thiếu việc làm ở nông thôn cao hơn thành thị

- B đúng: tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm còn gay gắt
- C đúng: vấn đề việc làm là một vấn đề kinh tế - xã hội lớn hiện nay
- D đúng: tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị cao hơn nông thôn

Chọn A.

Câu 31 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam trang 11

Cách giải:

Loại đất có diện tích lớn nhất ở khu vực đồi núi nước ta là đất feralit trên các loại đá khác (nền màu vàng)

Chọn A.

Câu 32 (TH)

Phương pháp: Đặc điểm dân số nước ta

Cách giải:

- A đúng: nước ta có 54 dân tộc ít người
- B không đúng: gia tăng tự nhiên nước ta thấp
- C đúng: dân tộc Kinh đông nhất, chiếm hơn 86% dân số Việt Nam
- D đúng: nước ta có quy mô dân số lớn, đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á và thứ 13 thế giới.

Chọn B.

Câu 33 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam trang 15

Cách giải:

Đô thị loại 1 của nước ta do Trung ương quản lí là: Hải Phòng, Đà Nẵng.

Chọn A.

Câu 34 (VD)

Phương pháp: Kiến thức bài 18 – Đô thị hóa

Cách giải:

Đô thị nước ta là nơi tiêu thụ mạnh các sản phẩm hàng hóa chủ yếu do đô thị tập trung dân cư đông đúc, chất lượng đời sống cao nên nhu cầu tiêu thụ sản phẩm nhu yếu phẩm rất lớn.

Chọn A.

Câu 35 (TH)

Phương pháp: Kiến thức bài 6 – Đất nước nhiều đồi núi

Cách giải:

Đặc điểm địa hình Việt Nam: chủ yếu là đồi núi thấp (60%), địa hình núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1% diện tích lãnh thổ

=> nhận xét A không đúng

Chọn A.

Câu 36 (VD)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí trang 9 + Kỹ năng nhận xét biểu đồ khí hậu

Cách giải:

- A sai: trong năm, Đà Lạt và Nha Trang có 1 cực đại về nhiệt

- B đúng: tổng lượng mưa trung bình năm của Đà Lạt lớn hơn Nha Trang (quan sát cột màu xanh có thể nhìn thấy rõ)
- C sai: nhiệt độ trung bình năm của Đà Lạt thấp hơn Nha Trang, do Đà Lạt ở vùng núi cao, nhiệt độ quanh năm ở mức dưới 20°C.
- D sai: mưa lớn nhất ở Đà Lạt vào tháng 9, ở Nha Trang vào tháng 11

Chọn B.

Câu 37 (VD)

Phương pháp: Kiến thức bài 20 – Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cách giải:

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta còn chậm, chủ yếu do khai thác chưa hiệu quả các nguồn lực, như nguồn lực về tài nguyên thiên nhiên, vốn đầu tư, nguồn lao động

Chọn C.

Câu 38 (VD)

Phương pháp: Kỹ năng nhận xét biểu đồ

Cách giải:

- A sai: Lúa đông xuân giảm nhẹ từ 40,1% xuống 39,6%; lúa hè thu và thu đông tăng từ 32,1% lên 36%.
- B sai: Lúa đông xuân giảm nhẹ từ 40,1% xuống 39,6%
- C sai: Lúa mùa giảm từ 27,8% xuống 24,4%
- D đúng: Lúa hè thu và thu đông tăng từ 32,1% lên 36%; lúa đông xuân giảm từ 27,8% xuống 24,4%

Chọn D.

Câu 39 (NB)

Phương pháp: Sử dụng Atlas Địa lí tự nhiên trang 6 -7 và 9

Cách giải:

Những nơi có lượng mưa trung bình năm trên 2800mm là núi Ngọc Linh và Bắc Bạch Mã. Đây là những khu vực núi cao, địa hình đón gió đem lại mưa lớn.

Chọn C.

Câu 40 (VD)

Phương pháp: Tính toán, nhận xét bảng số liệu

Cách giải:

Mật độ dân số = Dân số / Diện tích (người/km²)

=> Kết quả:

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Thái Lan
Mật độ	138,1	95,5	350	128,8

- A sai: Ma-lai-xi-a thấp hơn Thái Lan (95,5 < 128,8 người/km²)
- B đúng: In-đô-nê-xi-a thấp hơn Phi-lip-pin (138,1 < 350 người/km²)
- C sai: Phi-lip-pin cao hơn Ma-lai-xi-a (350 > 95,5 người/km²)
- D sai: In-đô-nê-xi-a cao hơn Thái Lan (138,1 > 128,8 người/km²)

Chọn B.

----- HẾT -----

